TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 381/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18/4/2025
V/v *"Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyên

2. Bà Phan Thị Dòn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Phước – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* Ông Võ Kim Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1086/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 156/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Bùi Thanh T**, sinh năm 1973 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: D1/4, Tổ *, Ấp *, xã T, huyện B, Thành phố H.

- *Bị đơn*: Bà **Đinh Thị H**, sinh năm 1986 (Vắng mặt).

Địa chỉ: D1/4, Tổ 1, Ấp *, xã T, huyện B, Thành phố H;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 09/12/2024, bản tự khai ngày31/12/2024, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 03/3/2025, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được ngày 03/3/2025, nguyên đơn ông Bùi Thanh T trình bày*:*

Ông Tú và bà Đinh Thị H bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2017, có tổ chức đám cưới, do hai bên tự tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân xã T, huyện B, Thành phố H. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống bình thường không xảy ra mâu thuẫn. Đến năm 2024 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là không cùng quan điểm, tính tình không còn hòa hợp, vợ ngoại tình đi theo người đàn ông khác. Hai vợ chồng đã không còn hạnh phúc từ năm 2024 cho đến nay. Xét thấy tình cảm không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Tú yêu cầu Tòa án cho ông được ly hôn với bà Đinh Thị H.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông T và bà Đinh Thị H có 01 con chung tên là Bùi Thị Bích T (giới tính: Nữ), sinh ngày: 08/01/2018. Khi ly hôn, ông T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là trẻ Bùi Thị Bích T. Ông T không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Bùi Thanh T xác nhận quá trình chung sống vợ chồng ông không có tài sản chung, cũng không có nợ ai và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Đinh Thị H vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay mà không có bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến hay yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Bùi Thanh T đối với bà Đinh Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Bùi Thanh T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Đinh Thị H. Căn cứ vào kết quả trả lời xác minh của Công an xã T, huyện B, Thành phố H cung cấp*: "Bà Đinh Thị H (SN 1986) có HKTT tại D1/4 ấp *, xã T, huyện B, TP.H. Hiện không cư trú tại địa phương từ tháng 07/2024 đến nay, đi đâu làm gì không rõ"*. Do bà Đinh Thị H có địa chỉ thường trú tại xã T, huyện B nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

- Bà Đinh Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Đinh Thị H.

- Ông Bùi Thanh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Bùi Thanh T .

[3] Về các yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 19 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, Thành phố H cấp ngày 29/02/2020 thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Bùi Thanh T và bà Đinh Thị H là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, ông Bùi Thanh T trình bày: Ông T và bà Đinh Thị H bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2017, có tổ chức đám cưới, do hai bên tự tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, Thành phố H. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống bình thường không xảy ra mâu thuẫn. Đến năm 2024 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là không cùng quan điểm, tính tình không còn hòa hợp, vợ ngoại tình đi theo người đàn ông khác. Hai vợ chồng đã không còn hạnh phúc từ năm 2024 cho đến nay. Xét thấy tình cảm không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T yêu cầu Tòa án cho ông được ly hôn với bà Đinh Thị H.

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời bà Đinh Thị H đến Tòa án để giải quyết vụ án tranh chấp về ly hôn giữa ông Bùi Thanh T và bà Đinh Thị H. Nhưng bà H vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, cũng không có bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến hoặc yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Điều đó cho thấy bà H đã không quan tâm đến tình trạng hôn nhân, không thể hiện thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, bà H đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Do đó, bà H phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Bùi Thanh T xác định vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc.

Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được."

Căn cứ vào Công văn số 156/UBND ngày 16/01/2025 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, Thành phố H về việc trả lời xác minh tình trạng hôn nhân

của ông Bùi Thanh T và bà Đinh Thị H có nội dung như sau: "*Trong quá trình sinh sống tại địa phương, cuộc sống hôn nhân giữa ông Bùi Thanh T và bà Đinh Thị H có xảy ra mâu thuẫn (không rõ nguyên nhân). Ủy ban nhân dân xã không tiến hành giải quyết mâu thuẫn về hôn nhân giữa ông Tú và bà Hồng do không có yêu cầu. Ông T và bà H hiện không sống chung với nhau tại địa chỉ: D1/4 ấp *, xã T, huyện B, Thành phố H; bà H hiện đang cư trú tại đâu không rõ. Ông T và bà H có 01 con chung là trẻ Bùi Thị Bích T, sinh ngày 08/01/2018, hiện trẻ đang sống cùng ông Tú tại địa chỉ D1/4 ấp *, xã T, huyện B, Thành phố H*".

Xét thấy ông Bùi Thanh T và bà Đinh Thị H đã có thời gian sống ly thân với nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng đã không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình về tình nghĩa vợ chồng. Mặt khác, trong quá trình hòa giải tại Tòa, bà H cũng không đến Tòa án tham gia tố tụng theo giấy triệu tập để Tòa án hòa giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều này chứng tỏ giữa hai người đã không còn tình cảm và không có thiện chí để đoàn tụ. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà H mâu thuẫn là có thật và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy việc ông Bùi Thanh T yêu cầu ly hôn với bà Đinh Thị H là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình. Từ các nhận định trên và xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Bùi Thanh T đối với bà Đinh Thị H.

[3.2] Về con chung: Căn cứ lời khai của ông Bùi Thanh T thì quá trình chung sống, ông Tú và bà Đinh Thị H có 01 con chung tên là Bùi Thị Bích T (giới tính: Nữ), sinh ngày: 08/01/2018. Khi ly hôn, ông Tú yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là trẻ Bùi Thị Bích T. Ông T không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy trẻ Bùi Thị Bích T đang sống chung với ông T, ông T đã và đang chăm sóc, nuôi dưỡng tốt cho trẻ T. Tại biên bản ghi nhận ý kiến trẻ ngày 03/3/2025, trẻ T mong muốn được sống chung với ba. Xét thấy nguyện vọng của ông Bùi Thanh T về con chung là phù hợp và cũng thuận lợi nhất cho trẻ vì ông T đã và đang chăm sóc tốt cho con và đủ điều kiện chăm sóc con chung. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của trẻ về mọi mặt, Hội đồng xét xử giao trẻ T cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông T không yêu cầu bà Đinh Thị H cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy đây là sự tự nguyện của ông T nên Hội đồng xét xử ghi nhận, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với bà Đinh Thị H đến khi ông Bùi Thanh T có yêu cầu.

Tại phiên tòa bà Đinh Thị H vắng mặt, không có bất kỳ văn bản nào trình bày nguyện vọng về con chung khi ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con mà lạm

dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Thanh T về con chung: Giao con chung là trẻ Bùi Thị Bích T, giới tính: Nữ, sinh ngày: 08/01/2018 cho ông Bùi Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[3.3] Về tài sản chung: Ông Bùi Thanh T xác định quá trình chung sống cùng bà Đinh Thị H không có tài sản chung, không yêu cầu Tóa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến vấn đề tài sản chung giữa ông Bùi Thanh T và bà Đinh Thị H. Nếu sau này các bên đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3.4] Về nợ chung: Ông Bùi Thanh T xác định không có nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến vấn đề nợ chung giữa ông Bùi Thanh T và bà Đinh Thị H.

[4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì ông Bùi Thanh T phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 8, 9, 19, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Bùi Thanh T đối với bà Đinh Thị H.

Quan hệ hôn nhân giữa ông Bùi Thanh T và bà Đinh Thị H chấm dứt. Giấy chứng nhận kết hôn số 19 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, Thành phố H cấp ngày 29/02/2020 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao 01 con chung tên là Bùi Thị Bích T (giới tính: Nữ), sinh ngày: 08/01/2018 cho ông Bùi Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng đối với bà Đinh Thị H cho đến khi ông Tú có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Ông Bùi Thanh T xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến vấn đề tài sản chung giữa ông Bùi Thanh T và bà Đinh Thị H. Nếu sau này các bên đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về nợ chung: Ông Bùi Thanh T xác định không có nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến vấn đề nợ chung giữa ông Bùi Thanh T và bà Đinh Thị H.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Bùi Thanh T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/24P/0051549 ngày 17/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Bùi Thanh T đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Ông Bùi Thanh T và bà Đinh Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự (2);
- VKSND H. Bình Chánh (2);
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- UBND xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, TP.HCM (1);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (4).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Huyền